TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2025/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 26 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: số 19 ấp T, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre, nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:

- Ông Ngô Nhật T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ liên hệ: số 118E3 đường số B, khu dân cư S, khu phố M2, phường B1, thành phố B2, tỉnh Bến Tre, nay là phường B2, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Trần Quang K, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: số 7D khu phố B3, phường P, thành phố B2, tỉnh Bến Tre, nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Lê Minh T2, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: số 240 ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, nay là xã P1, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: ấp T3, xã T4, huyện V1, tỉnh Long An, nay là xã T5, tỉnh Tây Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2 thống nhất hủy văn bản thỏa thuận ngày 21/6/2022 giữa ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2;

- Ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2 thống nhất hủy văn bản thỏa thuận ngày 22/12/2022 giữa ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2;

- Ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2 thống nhất vô hiệu hợp đồng ủy quyền có số công chứng: 5539, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/6/2022 tại Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân giữa ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp Tân Hòa A, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã An Định, tỉnh Vĩnh Long;

- Ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2, bà Nguyễn Thị C1 thống nhất vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có số công chứng: 6267, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2022 tại Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân được ký giữa ông Lê Minh T2 và bà Nguyễn Thị C1 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp Tân Hòa A, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã An Định, tỉnh Vĩnh Long. Ông Phạm Thanh T được toàn quyền sử dụng phần đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất nêu trên (có họa đồ đo đạc kèm theo);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị C1 vào ngày 31/5/2023, đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp Tân Hòa A, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã An Định, tỉnh Vĩnh Long từ chủ sử dụng bà Nguyễn Thị C1 thành chủ sử dụng ông Phạm Thanh T đối với thửa đất nêu trên. Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Ông Phạm Thanh T có trách nhiệm trả cho ông Lê Minh T2 số tiền tổng cộng là 580.000.000 (năm trăm tám mươi triệu) đồng. Việc giao nhận tiền được thực hiện thành 02 lần, cụ thể như sau: lần 01 là ngày 03/10/2025, ông Phạm Thanh T trả cho ông Lê Minh T2 số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng; lần 02 là ngày 03/12/2025, ông Phạm Thanh T trả cho ông Lê Minh T2 số tiền còn lại là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng;

- Ông Lê Minh T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 580.000.000 (năm trăm tám mươi triệu) đồng. Việc giao nhận tiền được thực hiện thành 02 lần, cụ thể như sau: lần 01 là ngày 03/10/2025, ông Lê Minh T2 trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng; lần 02 là ngày 03/12/2025, ông Lê Minh T2 trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền còn lại là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí thu thập chứng cứ: chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 5.051.600 (năm triệu không trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm) đồng, ông Phạm Thanh T và ông Lê Minh T2 mỗi người nộp phân nữa tương đương với số tiền 2.525.800 (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm) đồng. Ông Phạm Thanh T đã tạm nộp xong nên ông Lê Minh T2 phải trả lại cho ông Phạm Thanh T số tiền 2.525.800 (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

- Về án phí:

Ông Phạm Thanh T phải nộp số tiền án phí là 13.900.000 (mười ba triệu chín trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng theo các biên lai số 0008456 ngày 21/02/2025, biên lai số 0008455 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và biên lai số 0000176 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Tú còn phải nộp tiếp số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng;

Ông Lê Minh T2 phải nộp số tiền án phí là 13.825.000 (mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

Bà Nguyễn Thị C1 phải nộp số tiền án phí là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.150.000 (mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0000215 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Châu được hoàn lại số tiền 16.075.000 (mười sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Chiến Trực